

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM TRUNG NGUYÊN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM TRUNG NGUYÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUNG NGUYEN FOOD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108548994

3. Ngày thành lập: 17/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đông Cự, Xã Đông Sơn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936322982

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
2.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
3.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng) Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
4.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
5.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
6.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
7.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá, dịch vụ liên quan tới hậu cần; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển;	5229
9.	Bán buôn đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	4633
10.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
11.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
12.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
13.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
14.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
15.	Xây dựng công trình điện	4221
16.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
18.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
19.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
20.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
21.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
25.	In ấn	1811
26.	Quảng cáo	7310
27.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	6619

28.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
29.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ loại Nhà nước cấm)	2011
30.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
31.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Tư vấn về môi trường	7490
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
34.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
35.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
36.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
37.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
38.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
39.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
40.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất quần áo, bảo hộ lao động	1410
41.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
42.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
43.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
44.	Thu gom rác thải độc hại	3812
45.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
46.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
47.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản - Môi giới bất động sản Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	6820
48.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (không bao gồm hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)	7120
49.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
50.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
51.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
52.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
53.	Khai thác và thu gom than cứng	0510

54.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
55.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
56.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh karaoke, vũ trường)	5630
57.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
58.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
59.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
60.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
61.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
63.	Đại lý du lịch	7911
64.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810
65.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
66.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
67.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
68.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
69.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
70.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
71.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
72.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
73.	Điều hành tua du lịch	7912
74.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
77.	Bốc xếp hàng hóa	5224
78.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá)	4610
79.	Xây dựng nhà để ở	4101
80.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

81.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn bột giấy;	4669
82.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
83.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
84.	Tái chế phế liệu	3830
85.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
86.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
87.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
88.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
89.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
90.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
91.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm động vật hoang dã, quý hiếm)	4620
92.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
93.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
94.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
95.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
96.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn; Sản xuất găng tay	3290
97.	Sản xuất giày, dép	1520
98.	Xây dựng nhà không để ở	4102
99.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
100.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
101.	Xây dựng công trình thủy	4291
102.	Phá dỡ	4311

103.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
104.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà, Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời;	4390
105.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
106.	Cho thuê xe có động cơ	7710
107.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
108.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
109.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Không bao gồm thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện)	4652
110.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
111.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị y tế; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659

112.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội – ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện – cơ điện công trình; - Thiết kế cấp – thoát nước; - Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin – liên lạc trong công trình xây dựng; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng: a) Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; b) Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; c) Đo bóc khối lượng; d) Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; đ) Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; e) Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; g) Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Khảo sát xây dựng; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng. - tư vấn đấu thầu 1. Khảo sát địa hình. 2. Khảo sát địa chất công trình. 3. Khảo sát địa chất thủy văn. 4. Khảo sát hiện trạng công trình. - tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Hoạt động đo đạc bản đồ	7110
------	--	------

113.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu cách âm khoáng như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thảm âm; - Sản xuất sợi và tấm dẹt khoáng phi kim, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng...	2399
114.	Khai thác và thu gom than non	0520
115.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
116.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
117.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
118.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm).	8299

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN DƯƠNG	P 505-E3 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	45,000	011958962	
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	45,000		
2	ĐỖ NGỌC TUYẾN	Thôn Đông Cự, Xã Đông Sơn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	0010840302 81	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
3	NGHIÊM VĂN NGỌC	Thôn Đào Xá, Xã Hoàng Long, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	45,000	0010770019 70	
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	45,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

Thời gian đăng từ ngày 17/12/2018 đến ngày 16/01/2019

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIỀN DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/12/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011958962

Ngày cấp: 25/03/2004

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P 505-E3 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P 505-E3 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội